TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Tố Như;
2. Ông Vũ Thành Công.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Tống Văn G, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 1461/9, quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 1461/9, quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày của nguyên đơn ông Tống Văn G thể hiện như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Văn G và bà Hồ Thị C tự nguyện biết và tìm hiểu nhau từ năm 1997, sau đó mấy tháng thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 343, quyển số 01 ngày 15/7/1997, việc chung sống là tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống thời gian khoảng 18 năm vợ chồng sống hạnh phúc, còn từ năm 2016 đến nay thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, khi mâu thuẫn trầm trọng thì bà C thường bỏ nhà đi, đi đâu, làm gì thì ông không biết, ông cũng không đi tìm nhưng sau đó do gia đình bà C tác động mong

ông cho bà ấy cơ hội nên ông đồng ý cho bà C quay về chung sống nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung do không còn tình cảm, không mang lại hạnh phúc cho nhau nên từ năm 2020 đến nay ông và bà C đã sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nên ông Tống Văn G yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị C.

- Về con chung: Ông G và bà C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông G và bà C tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông G xác nhận vợ chồng không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn bà Hồ Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị C và ông Tống Văn G có thời gian tìm hiểu khoảng 08 tháng đến ngày 15/7/1997 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường II, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng có sống hạnh phúc được một thời gian, còn khoảng 04 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm của bà với Ông G không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay Ông G yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý vì bà là người theo đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà và Ông G không có con chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và Ông G tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận vợ chồng không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để làm rõ tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì. Tuy nhiên, việc tòa án tiến hành hòa giải vụ án trong khi đương sự đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,

chấp nhận yêu cầu của Ông G về việc ly hôn với bà Hồ Thị C. Về con, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 1461/9, quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Tống Văn G và bị đơn bà Hồ Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông G, bà C.

[3].Về nội dung vụ án:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Văn G và bà Hồ Thị C tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 343, quyển số 01 ngày 15/7/1997 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Tống Văn G cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 18 năm mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mỗi lần mâu thuẫn trầm trọng thì bà C lại bỏ nhà đi, đi đâu, làm gì ông không biết, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được, hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà C. Quá trình giải quyết vụ án bà C cũng xác nhận vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian, khoảng 04 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau và cũng không còn tình cảm với nhau nên từ tháng 09 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay Ông G yêu cầu giải quyết ly hôn thì bà không đồng ý vì bà là người theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cả Ông G và bà C đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay không thể hàn gắn được, hai người cũng đã sống ly thân không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cũng không còn tình cảm với nhau vì vậy mục đích hôn nhân không còn, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm nên yêu cầu ly hôn của Ông G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2].Về con chung: Qua lời thừa nhận của Ông G, bà C và chứng cứ do các bên xuất trình xác định ông Tống Văn G và bà Hồ Thị C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Ông G và bà C tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Văn G đối với bị đơn và bà Hồ Thị C.

Xử cho ông Tống Văn G được ly hôn với bà Hồ Thị C.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Tống Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Ông G đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005465 ngày 12/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường 2, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa